

Nhiều từ ngoại lai khi du nhập vào kho từ vựng của Việt Nam thường được biến đổi đi cả ngữ âm và ngữ nghĩa, đó chính là sức sống của ngôn ngữ dân tộc ta vậy! Ở Việt Nam chẳng ai hiểu thập kỷ là 120 năm cả mà chỉ có thể hiểu là 10 năm. Vì vậy, Thập kỷ, Thập niên hay Mười năm đều có thể dùng được với cùng một hàm lượng thông tin như nhau. Còn việc nên dùng từ nào là tùy theo phong cách người viết, ngữ cảnh câu văn và đối tượng đọc giả. Đầu phải cái gì có trước và lâu năm đều trở thành chuẩn mực và không thể bị đào thải hoặc lãng quên dần? Về mặt cấu tạo từ vựng, trong tiếng Việt, Thập kỷ được xem là một danh từ (ghép), còn thập niên lại được xem là một cụm từ được ghép bởi 1 số từ và 1 danh từ! Chính vì vậy, trong các từ điển Việt Nam có từ THẬP KỶ mà không có từ THẬP NIÊN, trái với điều anh LAM khẳng định ở trên!

Cùng với các từ THẬP KỶ - THẬP NIÊN - MƯỜI NĂM, trong tiếng Việt còn có các từ THẾ KỶ - BÁCH NIÊN - TRĂM NĂM. Sẽ là kỳ cục nếu ta bàn chuyện nên dùng từ nào, bỏ từ nào ở đây hoặc muốn dùng từ nào thì... cần phải chờ đợi sau cuộc sàng lọc của thời gian" (LAM). Sẽ kỳ cục hơn nếu ai đó đặt vấn đề nên dùng từ XÃ BÔNG hay XÃ PHÒNG hay phải gọi đích danh là SAVON (tiếng Pháp)? Và sẽ kỳ cục biết bao nếu ai đó cứ cố tình hiểu CON PHE là... người đang có công việc, vì gốc tiếng Pháp của từ này là "áp phe" (affaire : công việc)!

Cũng là khinh xuất khi anh LAM đặt một phép so sánh đơn giản và khập khiễng như sau: "Biên soạn những thuật ngữ chuyên môn mới là việc làm quan trọng hơn việc tạo thêm những từ ngữ phổ thông cầu kỳ". Xin nhớ lại nhà văn quá cố Nguyễn Tuân, cùng với kho từ vựng đáng nể trọng của ông.

Riêng tôi, tôi ưa dùng từ THẬP KỶ bởi lẽ đơn giản là bớt đi được 2 động tác gõ trên phím máy mà vẫn bảo đảm lượng thông tin cần thiết. Nếu phải ghi một ngàn lần từ đó, sẽ bớt đi được hai ngàn lần gõ trên phím máy: ở thời đại "tin học hóa" ngôn từ hiện nay, điều đó có ý nghĩa quá đi chứ!

Thi Á

Ý KIẾN BAN BIÊN TẬP:

Chúng tôi rất hoan nghênh Ông Thi Á đã có bài góp ý, trao đổi với bài viết của tác giả LAM. Thật ra ngay từ đầu, bài viết của LAM cũng có dẫn chứng ý nghĩa của chữ "Kỷ" và "Thập kỷ" ghi trong từ điển của Văn Tân như Ông Thi Á đã nêu, nhưng tác giả bài viết đã mặc nhiên không thừa nhận những nghĩa đó phân ảnh đúng nghĩa từ nguyên, và vì thế không bành vực cho việc dùng chữ "Thập niên".

Chúng tôi chia sẻ với ý kiến của Ông Thi Á cho rằng việc chọn từ phải dựa trên thực tế sinh động của ngôn ngữ, không nhất thiết phải dựa theo nghĩa từ nguyên một cách máy móc, nhưng trong trường hợp cùng tồn tại hai từ có ý nghĩa hoàn toàn giống nhau, thì từ nào có nguồn gốc chắc chắn sẽ có cơ sở thuyết phục để được lựa chọn hơn.

Ý kiến của Ông Thi Á về yêu cầu tiết kiệm là một nhận xét thú vị, có nhiều mặt hợp lý.

THƯỜNG THỨC, KINH THƯỜNG

MỘT SỐ THUẬT NGỮ

VỀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

(tiếp theo kỳ trước, PTKT số 8)

16. Action ordinaire (Common Share) Cổ phiếu thông thường.

Cổ phiếu thông thường là chứng khoán đại diện cho sự tham dự hay một phần sở hữu trong một công ty, cổ phiếu này có quyền bỏ phiếu (vote)

17. Action privilégiée (Preferred Share) Cổ phiếu ưu đãi.

Cổ phiếu ưu đãi của một công ty cho phép người sở hữu nhận một số tiền nhất định trong trường hợp thanh lý và nhận trước cổ tức cố định so với những cổ phiếu thông thường. Thông thường người có cổ phiếu ưu đãi chỉ có lợi nhờ có quyền bỏ phiếu khi một số cổ tức cố định đã không được chi trả.

18. Action privilégiée de premier rang (Prior Preferred)

Cổ phiếu ưu đãi đặc biệt: Đây là cổ phiếu ưu đãi nhưng khi thanh lý công ty phát hành cổ phiếu thì cổ phiếu này được xếp trên những loại cổ phiếu ưu đãi khác tùy theo sự phân phối của cái của công ty hay tùy theo sự chỉ trả cổ tức.

19. Actions ou obligations encaissables par anticipation (Retractable Preferred Shares or Bonds)

Cổ phiếu hay trái phiếu có thể thu tiền lại trước hạn: Những cổ phiếu ưu đãi hay trái khoán mà người sở hữu chúng có quyền đòi hỏi phải trả lại tiền vào một ngày ấn định và với những điều kiện ấn định trước.

20. Actionnaire inscrit (Stockholder of Record)

Cổ đông đăng ký: Đó là cổ đông mà tên của họ được ghi vào sổ sách của công ty đã phát hành cổ phiếu mà họ nắm giữ.

21. Administrateur des valeurs mobilières (Securities Administrator)

Tổ chức hành chính của chứng khoán. Thuật ngữ này để chỉ cấp có thẩm quyền tại địa phương chịu trách nhiệm áp dụng những luật lệ của các chứng khoán ở địa phương.

22. Agent comptable des registres (Registrar) Đại lý đăng ký chứng khoán.

Đại lý này được công ty phát hành cổ phiếu chọn để giúp công ty giám sát vốn cổ phiếu của mình trong lưu thông, nhằm tránh một số lượng các cổ phiếu được phát hành vượt quá mức cho phép.

23. Agent de transfert (Transfer Agent)

Đại lý chuyển nhượng. Đại lý này được chỉ định bởi một công ty nhằm quản lý sổ ghi tên các cổ đông của công ty. Sổ này là một quyển sách ghi lại tên, địa chỉ của từng cổ đông và số lượng cổ phiếu

mà họ có.

24. Agent financier (Fiscal agent) Người môi giới ở thị trường chứng khoán (Courtier en valeurs mobilières) được một công ty hay chính phủ chọn để đóng góp ý kiến liên quan đến các vấn đề tài chính và để thu hồi những chứng khoán của họ.

25. Aller-Retour: (In- and- Out)

Tức là hiện tượng mua và bán cùng một chứng khoán trong một thời gian ngắn (một ngày, một tuần, hay có khi một tháng) Trong trường hợp vụ Aller-Retour, nhà đầu tư quan tâm đến sự biến động giá trong ngày hơn là người ta quan tâm đến các cổ tức.

26. Analyse fondamentale (Fundamental Analysis). Điều tra cơ bản.

Nghiên cứu tất cả các dữ liệu, liên quan đến hoạt động của một công ty và một ngành công nghiệp.

27. Analyse technique (Technic Analysis) Phân tích kỹ thuật.

Việc phân tích thị trường hay phân tích chứng khoán bao gồm sự nghiên cứu biến động giá cả và khối lượng thương vụ được thực hiện bằng cách vẽ đồ thị. Sự phân tích kỹ thuật nhằm mục đích đưa ra quyết định đầu tư vốn đồng thời dựa trên những hiểu biết và dự đoán tâm lý phản ứng của những nhà đầu tư.

28. Arbitrage boursier (Arbitrage) Hoạt động chứng khoán ác-bít.

Đó là hoạt động bằng cách mua chứng khoán trên thị trường này để bán lại ở một thị trường khác với giá cao hơn nhằm mục đích đem lại lợi nhuận cho người đầu tư. Nghiệp vụ Arbitrage boursier do các chuyên gia hay các công ty chuyên môn thực hiện và những người này là thành viên của nhiều thị trường chứng khoán. Hoạt động ác-bít góp phần cân bằng giá cả của cùng một chứng khoán được định giá trên nhiều thị trường khác nhau.

29. Arbitrage de portefeuille: Nghiệp vụ ác bít của chứng khoán đang nắm giữ.

Sự bán các chứng khoán mà người nắm giữ để thay thế chúng bằng những chứng khoán khác tương tự nhưng hấp dẫn hơn.

30. Argent au jour le jour (Call money) Tiền vay nóng.

Là tiền vay mà sự hoàn trả có thể người cho vay đòi lại hoặc do người mượn người đi vay trả lại ngay và có ngay sau. Lãi vay ngày của tiền vay nóng tùy theo sự biến đổi của số cung và số cầu của loại tiền đó trong một thời gian ngắn.

TRẦN HOÀNG NGÀI
(Ban Đầu tư CESAIS)